

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, Phường Bến Thành, Q.1, Tp.HCM

Mã số thuế: 0303527483

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ IV NĂM 2018

TP.Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

32 Nguyễn An Ninh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018		01/01/2018	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86,038,339,133		62,334,310,118	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16,494,634,611		5,812,856,140	
1. Tiền	111		1,810,351,809		5,812,856,140	
2. Các khoản tương đương tiền	112		14,684,282,802		-	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36,190,632,500		16,500,000,000	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		9,190,632,500		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-		-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	27,000,000,000		16,500,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30,954,579,739		38,158,501,400	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	47,246,980,133		36,032,104,504	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7,461,924,090		976,360,961	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-		-	
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	134	V.4	-		-	
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-		2,000,000,000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	16,766,672,706		39,132,582,446	
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(40,520,997,190)		(39,982,546,511)	
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-		-	
IV. Hàng tồn kho	140		40,511,921		46,245,216	
Hàng tồn kho	141		40,511,921		46,245,216	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,357,980,363		1,816,707,362	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	243,837,591		137,825,700	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55,831,755		48,982,004	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	2,058,311,017		1,629,899,658	
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-		-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-		-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,797,286,321		6,624,394,867	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-		5,884,000,000	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2	-		3,700,000,000	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.3	-		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-		-	
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-		-	
Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	-		2,184,000,000	
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6	-		-	
II. Tài sản cố định	220		1,217,124,877		226,873,096	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	17,355,420		226,873,096	
Nguyên giá	222		291,287,094		536,287,094	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(273,931,674)		(309,413,998)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-		-	
Nguyên giá	225		-		-	
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-		-	
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1,199,769,457		-	
Nguyên giá	228		2,678,634,137		43,000,000	
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,478,864,680)		(43,000,000)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
Nguyên giá	231		-		-	

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

32 Nguyễn An Ninh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13	-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11a	-	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11b	-	-
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.11b	-	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11c	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		580,161,444	513,521,771
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	154,450,477	513,521,771
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
3. Lợi thế thương mại	269	V.13	425,710,967	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		87,835,625,455	68,958,704,985

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

32 Nguyễn An Ninh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

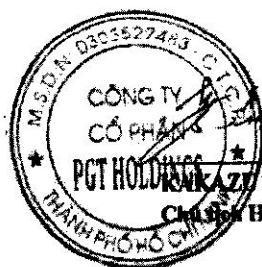
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21,857,436,546	2,125,920,430
I. Nợ ngắn hạn	310		21,857,436,546	2,125,920,430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	60,950,030	8,821,690
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		36,676,355	2,805,003
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	390,241,777	600,103,139
4. Phải trả người lao động	314		311,776,666	264,293,306
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	7,579,999
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1,364,248,743	1,242,058,937
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		258,356	258,356
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		65,978,188,910	66,832,784,555
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	65,978,188,910	66,832,784,555
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92,418,010,000	92,418,010,000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>92,418,010,000</i>	<i>92,418,010,000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		55,260,000	55,260,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(1,744,349,375)	(1,744,349,375)
<i>Chênh lệch đánh giá lại tài sản</i>	<i>416</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
9. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	1,705,559,758
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,705,559,758	-
4. Quỹ dự phòng tài chính			-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(26,456,291,473)	(25,601,695,828)
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (lỗ lũy kế)</i>	<i>421a</i>		<i>(27,551,343,419)</i>	<i>(17,397,824,646)</i>
<i>Lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>1,095,051,945</i>	<i>(8,203,871,182)</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67,835,625,455	68,958,704,985

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2018



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Đỗ Ngọc Thạch Huyền

(Handwritten signature)
Đỗ Ngọc Thạch Huyền

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

32 Nguyễn An Ninh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

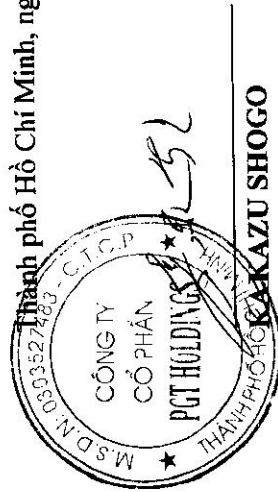
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÁU B02-DN/HN
Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước	Số lũy kế từ đầu	Số lũy kế từ đầu
						năm đến cuối quý này (năm nay)	năm đến cuối quý này (năm trước)
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp	01	VI.1	18,698,400	4,052,463,400	2,515,220,059	10,138,111,043
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng	10		18,698,400	4,052,463,400	2,515,220,059	10,138,111,043
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	12,534,284	788,422,529	3,196,720,348	8,094,117,054
5.	Lợi nhuận gộp (lỗ) về bán hàng	20		6,164,116	3,264,040,871	(681,500,289)	2,043,993,989
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13,053,764,762	183,809,921	15,062,767,189	1,061,281,415
7.	Chi phí tài chính	22		5,375,799,817		5,523,548,986	896,145
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-	-	-
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty li	24		-	-	-	-
9.	Chi phí bán hàng	25	VI.4	-	-	-	2,057,273
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2,750,721,832	1,655,925,312	9,704,377,831	8,268,976,057
11.	Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt đ	30		4,933,407,230	1,791,925,480	(846,659,916)	(5,166,654,071)
12.	Thu nhập khác	31		2,017,890,520	-	2,017,890,520	-
13.	Chi phí khác	32		4,122,397	73,091,622	91,050,069	134,804,874

14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	2,013,768,123	(73,091,622)	1,926,840,451	(134,804,874)
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán tr	50		6,947,175,353	1,718,833,858	1,080,180,535	(5,301,458,945)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	VI.7	-	-	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	52	VI.7	-	-	-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập	60		6,947,175,353	1,718,833,858	1,080,180,535	(5,301,458,945)
<u>Trong đó:</u>						
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông	61		6,947,175,353	1,718,833,858	1,080,180,535	(5,301,458,945)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông	62		-	-	-	-
19. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a	752	(215)		(545)
20. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8b	752	(215)		(545)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2018



KAZU SHOGO

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Ngọc Thành Huyền

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

5 N
VGS
183

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

32 Nguyễn An Ninh, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

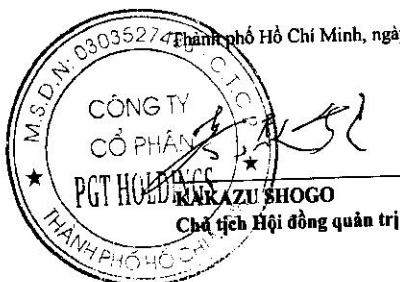
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃU B03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6,947,175,353	1,718,833,858
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		1,400,382,356	37,573,240
- Các khoản dự phòng	03		(2,530,679)	(2,986,924,385)
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7,664,964,541)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		680,062,488	(1,230,517,287)
- Tăng các khoản phải thu	09	VII	33,069,692,441	(11,835,886,504)
- (Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		5,733,295	(6,556,308)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	VII	19,731,516,116	(458,186,695)
- Giảm chi phí trả trước	12		(6,511,854,483)	407,408,848
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VII	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	275,594,180
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(26,567,800,260)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20,407,349,597	(12,848,143,766)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn	21		380,302,390	(80,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	7,967,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		(25,184,282,802)	(5,378,720,638)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII	(6,292,765,932)	-
7. Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	27	VII	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31,096,746,344)	2,508,279,362
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		1,744,349,375	(1,739,635,316)
2. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34		19,626,825,843	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	VII	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21,371,175,218	(1,739,635,316)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10,681,778,471	(12,079,499,720)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5,812,856,140	33,392,355,860
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16,494,634,611	21,312,856,140



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 12 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Ngọc Thanh Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV Năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:

Công ty Cổ phần PGT Holdings hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303527483 ngày 06 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần gần nhất (lần thứ 10) ngày 10 tháng 07 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 92.418.010.000 đồng.

Trụ sở hoạt động chính: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng xe buýt, xe taxi. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô. Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế. Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông. Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, tàu thủy. Dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển. Gia công cơ khí (không hoạt động tại trụ sở). Đào tạo dạy nghề. Cho thuê kho. Xây dựng dân dụng, công nghiệp. Xây dựng công trình giao thông. Khai thác cát, sỏi, đá xây dựng, đá lát đường khoáng sản. Mua bán gas, dầu nhớt các loại. Mua bán hàng nông lâm sản. Mua bán hàng thủy sản, lương thực, thực phẩm. Mua bán nguyên liệu ngành xăng dầu – công nghiệp – nông nghiệp. Mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất. Mua bán máy nổ, động cơ có máy nổ và phụ tùng linh kiện thay thế, ô tô. Mua bán ô tô. Bảo dưỡng và sửa chữa xe các loại. Thi công, cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Khách sạn đạt tiêu chuẩn sao (không hoạt động tại trụ sở). Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ cho thuê lại lao động). Dịch vụ cầm đồ. Cho thuê xe ô tô. Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...). Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh). Lập trình máy vi tính. Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Tư vấn du học.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc tập đoàn:

Công ty có Văn phòng đặt tại 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và có các công ty con sau đây:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Ngày kiểm soát công ty con
Công ty TNHH MTV Vĩnh Đại Phát	Lầu 12, Tòa nhà Pax Sky, 144-146-148 Lê Lai, P. Bến Thành, Q.1, Tp.HCM	100,00%	100,00%	03/02/2016
Công ty TNHH Tài chính Vi mô BMF	Tầng 09, Office Tower 1, Myanmar Plaza, 192 Kabar Aye Pagoda Road, Bahan Township, Yangon, Myanmar.	70%	70%	02/07/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tổng số các công ty con: 2 (hai) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2 (hai) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần PGT Holdings được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần PGT Holdings và Báo cáo tài chính của 02 Công ty con do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	06

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty mẹ trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn không quá 01 năm hoặc trong 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là “tài sản ngắn hạn”;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm hoặc trên 01 chu kỳ kinh doanh được phân loại là “tài sản dài hạn” (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh;
- Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát;
- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này;
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn trên 01 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuận trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.3.

20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền mặt	201.807.509	137.274.235
Tiền gửi ngân hàng	1.608.544.300	5.675.581.905
Tương đương tiền	23.874.915.302	15,500,000,000
Cộng	25.685.267.111	21.312.856.140

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	27.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	-	-	1.000.000.000	-
Cộng	27.000.000.000	-	1.000.000.000	-

3. Phải thu khách hàng**Phải thu khách hàng ngắn hạn**

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2018	01/01/2018
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hiệp Đồng Tâm	27.855.320.000	27.855.320.000
- Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5.207.287.675	5.207.287.675
- Công ty TNHH Hoàng Đạt	1.194.873.000	1.194.873.000
- Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561.919.900	561.919.900
- Công Ty Cổ Phần Tân Tân	297.747.182	297.747.182
- Công Ty Cổ phần Kết Cấu Thép Thành Long Vineco	208.963.377	208.963.377
- Nguyễn Văn Thù	137.870.393	137.870.393
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thi công Cơ Giới Tây Đô	130.200.000	130.200.000
- Công ty Cổ phần VietNam Manpower Supply	11.000.000.000	
- Các khách hàng khác	652.798.606	437.922.977
Cộng	47.246.980.133	36.032.104.504
4. Trả trước cho người bán		
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
GLOBAL MOBILITY SERVICE INC	1.892.916.000	
Công ty Chim Cánh Cụt bay	-	158.200.000
Công ty Hoa Lâm	535.920.000	535.920.000
Công ty TNHH TM DV FreeWay	4.390.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	643.088.090	282.240.961
Cộng	7.461.924.090	976.360.961
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
	31/12/2018	01/01/2018
Cho Công ty TNHH MTV Wacontre vay (1)		2.000.000.000
Cộng		2.000.000.000
⁽¹⁾ Theo hợp đồng vay số 03/2017/HDV/PGT-WA ngày 03 tháng 04 năm 2017. Số tiền 2.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay 12 tháng. Lãi suất cho vay 0.6%.		
6. Phải thu khác		
<i>Phải thu khác ngắn hạn</i>		
	31/12/2018	01/01/2018
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
Tạm ứng	1.403.537.223	-
Ký cược, ký quỹ (i)	371.528.160	-
BHXH phải thu	-	156.300
Nguyễn Văn Hạnh (ii)	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Hiệp Thành An (iii)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Wacontre	-	3.700.000.000
Các khoản ký cược, ký quỹ	-	2.184.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

dài hạn (ii)

Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Toki (iv)	8.940.500.000	-	8.940.500.000	-
Nguyễn Thị Ngọc Thủy (v)	-	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Freeway (vi)	-	-	4.390.000.000	-
Công ty TNHH Việc Oi	-	-	357.000.000	-
Nguyễn Hoàng Giang	264.178.662	264.178.662	264.178.662	264.178.662
Công ty TNHH Vina Terrace Hotels	2.017.890.520	-	-	-
Công ty TNHH MTV Wacotre - Lãi cho vay	-	-	84.000.000	-
Các đối tượng khác	769.038.141	726.985.641	734.038.141	726.985.641
Cộng	16.766.672.706	3.991.164.303	45.016.582.446	3.991.164.303

7. Nợ xấu

	31/12/2018			01/01/2018
	Giá gốc	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
Phải thu ngắn hạn khách hàng	39.527.302.208	39.527.302.208	-	38.991.382.208
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hiệp Đồng Tâm	27,855,320,000	27,855,320,000	-	(27,855,320,000)
Doanh nghiệp tư nhân Gara Sửa chữa Ô tô Khánh Ngọc	5,207,287,675	5,207,287,675	-	(5,207,287,675)
Công ty TNHH Hoàng Đạt	1,194,873,000	1,194,873,000	-	(1,194,873,000)
Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Lê Hoàn	561,919,900	561,919,900	-	(561,919,900)
Công ty Cổ phần Tân Tân	297,747,182	297,747,182	-	(297,747,182)
Công ty CP Hiệp Thành An	3,000,000,000	3,000,000,000	-	(3,000,000,000)
Công ty Hoa Lam	535.920.000	535.920.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	874,234,451	874,234,451	-	(874,234,451)
Phải thu ngắn hạn khác	993.694.982	993.694.982	-	991.164.303
Nguyễn Hoàng Giang	264,178,662	264,178,662	-	(264,178,662)
Phải thu khác	729.516.320	729.516.320	-	(726.985.641)
Cộng	40.520.997.190	40.520.997.190	-	(39.982.546.511)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018	01/01/2018
Công cụ, dụng cụ	-	602.863
Hàng hóa	40.511.921	45.642.353
Cộng	40.511.921	46.245.216

15

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
01/01/2018	145.592.965	245.000.000	-	145.694.129	536.287.094
Tăng trong năm	-				
Mua sắm mới trong năm	-				
Giảm trong năm	-				
Thanh lý, nhượng bán	-				
31/12/2018	145.592.965	-	-	145.694.129	291.287.904
Giá trị hao mòn lũy kế					
01/01/2018	145.592.965	41.111.116	-	125.524.313	309,413,998
Tăng trong năm	-	-	-		
Khấu hao trong năm	-	-	-	5.628.792	5.628.792
Giảm trong năm	-				
Thanh lý, nhượng bán	-				
31/12/2018	145.592.965	-	-	128.338.709	273.931.674
Giá trị còn lại					
01/01/2018	-	203.888.884	-	22.984.212	226.873.096
31/12/2018	-	-	-	17.355.420	17.355.420
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng					
01/01/2018	145.592.965		-	125.524.313	312.228.394
31/12/2018	145.592.965		-	128.338.709	273.931.674

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	43.000.000	43.000.000	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	43.000.000	43.000.000	-

11. Phải trả người bán**Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp khác	60.950.030	60.950.030	8.821.690	8.821.690

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Cộng	60.950.030	60.950.030	8.821.690	8.821.690

12. Phải trả khác*Phải trả ngắn hạn khác*

	31/12/2018	01/01/2018
Kinh phí công đoàn	7.301.600	6.241.400
Bảo hiểm xã hội bắt buộc	16.146.700	298.900
Cổ tức phải trả	635.554.070	635.554.070
Thù lao Hội đồng quản trị	672.029.600	511.829.600
Thuế GTGT tiền thuê nhà nộp hộ	-	53.905.261
Các khoản phải trả khác	33.216.773	34.229.706
Cộng	1.364.248.743	1.242.058.937

Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trà thù lao Hội đồng Quản trị	672.029.600	672.029.600	221,729,600	221,729,600
Cộng	672.029.600	672.029.600	221,729,600	221,729,600

13. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu*

	Kỳ này
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu năm	92.418.010.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-
- Vốn góp cuối năm	92.418.010.000

Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.241.801	9.241.801
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	9.241.801	9.241.801
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.241.801	9.241.801
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(384.196)	(1.096)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(384.196)	(1.096)
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.857.605	9.240.705
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.857.605	9.240.705

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Doanh thu</i>		
Doanh thu tư vấn		
Doanh thu dịch vụ	18.698.400	4.052.463.400
Doanh thu Hoạt động môi giới		
Cộng	18.698.400	4.052.463.400

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
<i>Giá vốn</i>		
Giá vốn dịch vụ	12.534.284	788.422.529
Cộng	12.534.284	788.422.529

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động tài chính	13.053.764.762	183.809.921
Cộng	13.053.764.762	183.809.921

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.750.721.832	1.655.925.312
Cộng	2.750.721.832	1.655.925.312

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.080.180.535	1.791.925.480
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		1.791.925.480
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	9,241,342	9,241,342
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	186	186

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam – CN Tp. HCM

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

4. Thông tin khả năng hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN PGT HOLDINGS

Địa chỉ: 32 Nguyễn An Ninh, phường Bến Thành, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

9. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2018

Lê Ngọc Thanh Tuyền
Người lập biểu

Lê Ngọc Thanh Tuyền
Kế toán trưởng



Kakazu Shogo
Giám đốc

